

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LANG CHÁNH  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HOÁ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Viết Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Bà Lê Thị Thiết

**Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Nhân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Ông Vũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Đăng ký kết hôn ngày 15/10/2007 tại UBND xã Q (Nay là UBND thị trấn L), huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết

hôn số 23/2007. Do thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn nên được cấp Trích lục kết hôn số 23/TLKH-BS ngày 26/3/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư trú tại bản G, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 10 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu say nên vợ chồng cãi vã, chửi bới nhau. Tại phiên tòa, anh T1 khai chi có quan hệ ngoại tình là không đúng sự thật. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, nên từ tháng 4/2024 đến nay chi và anh T1 ly thân, không ai quan tâm ai. Nay chi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chi được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chi và anh Lương Văn T1 có 02 con chung là cháu Lương Thị Khánh H, sinh ngày 14/01/2008 và cháu Lương Thị Khánh H1, sinh ngày 30/11/2012. Kể từ khi vợ chồng ly thân, cháu H ở cùng anh T1, còn cháu H1 ở cùng với chi, thì thoảng cháu H1 có về nhà thăm bố và ông bà nội. Theo đơn khởi kiện, chi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu H và cháu H1, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Nay chi vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, nhưng để có điều kiện chăm sóc các cháu được tốt hơn, chi yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chi đang làm Chi hội trưởng Chi hội nông dân của bản Giàng Vìn kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng, ngoài ra chi còn làm thêm các việc khác, có tổng thu nhập từ các nguồn bình quân mỗi tháng là 7.000.000 đồng, nhưng chi không có tài liệu, chứng cứ về thu nhập để giao nộp cho Tòa án. Chi không đồng ý giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, vì anh T1 là lao động tự do có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nhưng không ổn định, anh T1 lại thường xuyên uống rượu say, nếu giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng thì không đảm bảo được quyền lợi của các cháu.

Về tài sản: Chi Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lương Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận, anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; thời gian và nơi đăng ký kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng ly thân như chị T trình bày là đúng. Nhưng ngoài nguyên nhân anh uống rượu say dẫn đến vợ chồng cãi vã, chửi bới, đánh nhau thì còn do chị T có quan hệ ngoại tình, nhưng anh không được chứng kiến và không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Tuy vậy, anh vẫn chấp nhận tha thứ cho chị T và mong muốn vợ chồng hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh công nhận, anh và chị Lê Thị T có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con, nơi ở của các con từ khi vợ chồng ly thân đến nay như chị T trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị T cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 5.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, anh là

lao động tự do, công việc chủ yếu là đi cắt và bóc cây keo thuê cho người khác, có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, còn chị T là Chi hội trưởng Chi hội nông dân của thôn kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng, có thu nhập ổn định nhưng anh không biết mức thu nhập là bao nhiêu. Anh không đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh.

Về tài sản: Anh Lương Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của đương sự về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Bộ đề anh Lương Văn T1 là ông Lương Văn X, sinh năm 1966 và đại diện bản Giàng Vìn cho biết, anh Lương Văn T1 đăng ký thường trú tại bản G, xã T, huyện L, anh T1 không đăng ký tạm trú ở nơi khác; không khai báo tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh T1 chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú; anh T1 là lao động tự do, hiện đang sinh sống tại bản Giàng Vìn, xã T, huyện L.

Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Do anh T1 thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới, có lần đã đánh chị T; ngoài ra, có tin đồn chị T có quan hệ ngoại tình, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Kể từ tháng 4/2024 đến nay, chị T và anh T1 ly thân, không ai quan tâm ai. Hiện nay, anh T1 vẫn sinh sống tại bản Giàng Vìn, xã T, huyện L, còn chị T về ở với bố mẹ đẻ tại thị trấn L, huyện L.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Lương Thị Khánh H2, sinh ngày 14/01/2008 và cháu Lương Thị Khánh H1, sinh ngày 30/11/2012. Từ khi chị T và anh T1 ly thân, cháu H2 ở cùng anh T1 và ông bà nội, còn cháu H1 ở với chị T, nhưng thời gian gần đây cháu H1 cũng về ở với anh T1. Các cháu vẫn khỏe mạnh, được chăm sóc tốt và được học tập đầy đủ. Hiện nay, anh T1 là lao động tự do, có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng, còn chị T là Chi hội trưởng Hội nông dân của bản kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng, có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng trên 5.000.000 đồng. Mặc dù anh T1 có uống rượu say, nhưng cả chị T và anh T1 đều là người có trách nhiệm và yêu thương con cái. Chị T và anh T1 có đủ khả năng để trực tiếp nuôi con, nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị T, anh Lương Văn T1 và Bản sao Trích lục kết hôn số 23/TLKH-BS ngày 26/3/2024 do UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lương Văn T1 là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, ý kiến của anh T1, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị T đều có nguyện vọng được ly hôn anh T1; anh T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T và có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị T, sự thừa nhận của anh T1 phù hợp với kết quả xác minh, đủ cơ sở kết luận: Giữa chị T và anh T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không tin tưởng sự chung thủy của chị T, ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị T. Vợ chồng đã ly thân một thời gian nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T1; anh T1 không đồng ý ly hôn chị T và có nguyện vọng được đoàn tụ, nhưng trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần mà anh T1 không có ý kiến, không đến Tòa án tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn anh T1.

[4]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị T, anh Lương Văn T1, kết quả xác minh và bản sao Giấy khai sinh của cháu H2, cháu H1, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lương Thị Khánh H2, sinh ngày 14/01/2008; Lương Thị Khánh H1, sinh ngày 30/11/2012 là con chung của chị T và anh T1.

Xét đề nghị của chị T, anh T1 về việc giao nuôi con, thấy: Chị T và anh T1 có 02 con chung, chị T, anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu; cháu H2 và cháu H1 đều có nguyện vọng được ở với anh T1. Nguyện vọng của chị T, anh T1, cháu H2 và cháu H1 là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên, theo sự thừa nhận của chị T và anh T1 thì từ khi chị T và anh T1 ly thân đến nay, cháu H1 ở cùng chị T, cháu H2 ở cùng anh T1. Mặt khác, cả chị T và anh T1 có thu nhập bình quân hàng tháng ở mức thấp và mức thu nhập của hai người chênh lệch nhau không đáng kể. Vì vậy, nếu giao cả 02 con cho một người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn cho người đó, đồng thời gây khó khăn cho người phải cấp dưỡng, không đảm bảo được quyền lợi của các cháu.

Mặc dù cháu H1 có nguyện vọng được ở với anh T1, nhưng thực tế từ ngày chị T và T1 ly thân đến nay cháu H1 vẫn ở với chị T, còn cháu H2 ở với anh T1, các cháu đều khỏe mạnh, được chăm sóc tốt và được học tập đầy đủ. Như vậy, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc nuôi con cho chị T và anh T1; để các cháu được yêu thương, được chăm sóc và có điều kiện phát triển tốt nhất, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống và việc học tập của các cháu, nên giao cho chị T và anh T1 mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Do cháu H1 nhỏ tuổi hơn và đang ở cùng chị T, chị T có mức thu nhập ổn định và cao hơn anh T1, nên giao cháu H1 cho chị T; giao cháu H2 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản: Chị Lê Thị T và anh Lương Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

**Về hôn nhân:** Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lương Văn T1.

**Về con chung:** Giao cháu Lương Thị Khánh H1, sinh ngày 30/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lương Thị Khánh H2, sinh ngày 14/01/2008 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**Về án phí:** Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0006623 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Thị T, bị đơn Lương Văn T1. Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Lê Viết Tâm***